

Số: **3239** /QĐ- BNN-TCTS

Hà Nội, ngày **12** tháng **8** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 (mười lăm) thủ tục hành chính mới, 02 (hai) thủ tục hành chính thay thế, 03 (ba) thủ tục hành chính bị thay thế, 01 (một) thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/8/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, PC, TCTS, CN.



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **5239** /QĐ-BNN-TCTS ngày **12** tháng **8** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	A- TTHC cấp TW			
	I- TTHC mới ban hành			
1	Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
2	Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
3	Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhập khẩu	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
4	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản không phải khảo nghiệm, thử nghiệm	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
5	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
6	Cấp thay đổi thông tin Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
7	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng).	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
8	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản nhập khẩu (trường hợp phải thu mẫu phân tích chất lượng).	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
9	Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất khẩu.	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi	
10	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng chăn nuôi phải khảo nghiệm, thử nghiệm	Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	
11	Cấp giấy chứng nhận lưu hành lại đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng	Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	

	trong chăn nuôi phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu			
12	Cấp chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản; Cục Chăn nuôi	
13	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thủy sản; Chăn nuôi	Tổng cục Thủy sản; Cục Chăn nuôi	
II- TTHC thay thế				
1	Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Thay thế toàn bộ TTHC đã công bố: - B-BNN-007927-TT - B-BNN-007897-TT
2	Cấp giấy chứng nhận lưu hành lại đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu	Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Thay thế toàn bộ TTHC đã công bố số: B-BNN-035423-TT
III- TTHC bị thay thế				
1	Chứng nhận đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (Đối với sản phẩm nhập khẩu đã qua khảo nghiệm, nghiên cứu) B-BNN-007927-TT	Thủy sản	Cục Nuôi trồng thủy sản	
2	Chứng nhận đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (đối với sản phẩm gốc, sản phẩm mới sản xuất trong nước) B-BNN-007897-TT	Thủy sản	Cục Nuôi trồng thủy sản	
3	Đăng ký lại sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản. B-BNN-035423-TT	Thủy sản	Cục Nuôi trồng thủy sản	
V- TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ				
1	Chứng nhận đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (đối với sản phẩm copy) B-BNN-007962-TT			
B- TTHC cấp tỉnh				
I- TTHC mới ban hành				

1	Cấp chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thủy sản; Chăn nuôi	Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)	Thủy sản; Chăn nuôi	Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi	

Handwritten signature

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản.

1. Tên thủ tục: Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản (đối với sản phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản) hoặc đến Cục Chăn nuôi (đối với sản phẩm dùng trong chăn nuôi).

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thẩm định hồ sơ và tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở đăng ký;

- Trong trường hợp kết quả kiểm tra điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thông báo bằng văn bản cho cơ sở về nội dung không phù hợp và thời gian yêu cầu báo cáo khắc phục. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi xem xét đánh giá báo cáo khắc phục; nếu cần thiết sẽ tổ chức kiểm tra các nội dung đã khắc phục.

- Trong trường hợp kết quả kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ cho ý kiến về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm trong thời gian 05 ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 ngày làm việc sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi ban hành Quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm. Trường hợp Bộ không chấp thuận, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm có hiệu lực 05 năm.

c). Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Giấy đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm (theo Mẫu KN-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

b) Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh); Giấy phép đầu tư;

c) Bản chính thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm (theo Mẫu KN-2a hoặc Mẫu KN-2b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

d) Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) chứng chỉ hành nghề của chủ cơ sở hoặc người phụ trách kỹ thuật.

e) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành Quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: Chưa có quy định;

- Phí kiểm tra cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 2.500.000đ/lần;


- Phí và lệ phí công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm và Bản chính thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Cơ sở đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường vùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản. 

TÊN CƠ SỞ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

***“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi,
nuôi trồng thủy sản”***

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi

1. Tên cơ sở:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax : E-mail:

- Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở:

2. Hình thức đề nghị công nhận

- Công nhận mới hoặc mở rộng phạm vi công nhận ☐

- Công nhận lại ☐

3. Lĩnh vực khảo nghiệm, thử nghiệm:

- Trong ao nuôi thủy sản hoặc chuồng nuôi gia súc, gia cầm ☐

- Trong lồng nuôi thủy sản hoặc ô chuồng nuôi gia súc, gia cầm ☐

- Trong sản xuất giống ☐

4. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....
.....

5. Chúng tôi cam kết thực hiện quy định về khảo nghiệm, thử nghiệm và các quy định khác có liên quan đến sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

....., ngày tháng năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)



TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM,
THỬ NGHIỆM***“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi”***1. Tên cơ sở:**

Điện thoại: Fax: Email:

2. Lĩnh vực hoạt động:- Giấy đăng ký.....Quyết định thành lập..... số..... ngày....
tháng.....năm.... được cấp, do Cơ quan cấp.

- Hiệu lực của Giấy đăng ký/Quyết định được cấp đến ngày...tháng...năm

3. Cán bộ, nhân viên của đơn vị đăng ký

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi	Ghi chú

4. Trang thiết bị:

Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Thông số kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú

5. Cơ sở vật chất:

5.1. Loại vật nuôi:

5.2. Địa điểm:

5.3. Cơ sở vật chất khác:

6. Các điều kiện khác có liên quan**7. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan**

..., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM,
THỬ NGHIỆM**

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản”

1. Thông tin cơ sở

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Điều kiện cơ sở nuôi phục vụ khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm

a) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong ao, đầm:

b) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong lồng bè:

c) Đối với hệ thống sản xuất giống thủy sản:

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành

a) Thiết bị, dụng cụ thu mẫu, bảo quản mẫu.

b) Thiết bị, dụng cụ phân tích các yếu tố môi trường, dư lượng.

c) Thiết bị, dụng cụ xác định các chỉ tiêu sinh trưởng động vật thủy sản.

4. Người phụ trách kỹ thuật

5. Nhân lực kỹ thuật

6. Các điều kiện khác có liên quan

7. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan

..., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

kh

2. Tên thủ tục: Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường lựa chọn cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thẩm định hồ sơ đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm theo các Quy chuẩn kỹ thuật. Trong trường hợp chưa có Quy chuẩn kỹ thuật, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá đề cương khảo nghiệm;

- Nếu kết quả thẩm định, đánh giá hồ sơ và đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ cho ý kiến về việc cho phép khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm trong thời gian 05 ngày làm việc;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/ Cục trưởng Cục Chăn nuôi phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm, ban hành Quyết định khảo nghiệm, thử nghiệm và phân công đơn vị giám sát khảo nghiệm, thử nghiệm;

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm (theo Mẫu KN-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;



- Bản mô tả thông tin kỹ thuật của sản phẩm (theo Mẫu KN-4 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản chính Phiếu kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm;

- Bản chính Đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm (theo Mẫu KN-5b hoặc Mẫu KN-5b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản chính Hợp đồng khảo nghiệm, thử nghiệm;

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

1.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 1.400.000đ/sản phẩm

- Phí thẩm định đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm, Bản mô tả thông tin kỹ thuật của sản phẩm, Bản chính Đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.



TÊN CƠ SỞ

MẪU KN-3
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi

1. Cơ sở đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm, thử nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/ nuôi trồng thủy sản sau:

Tên sản phẩm:

Thành phần:

Công dụng:

Nhà sản xuất:

3. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

..., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)

BẢN MÔ TẢ CÁC THÔNG TIN KỸ THUẬT*“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”***1. Thông tin chung về sản phẩm:**

- a) Thành phần hoạt chất, phụ gia hoặc dung môi;
- b) Nhóm độc (nếu có thành phần đã được phân loại của Tổ chức y tế thế giới hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật);
- c) Tác dụng, hướng dẫn sử dụng, cách bảo quản, chú ý về an toàn;
- d) Thông tin cảnh báo về nguy cơ gây hại đến sức khỏe con người và môi trường (nếu có);
- đ) Thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch (nếu có);
- e) Hạn sử dụng;
- g) Quy trình sản xuất;
- h) Phương pháp phân tích;
- i) Tác động đối với môi trường;
- k) Phương pháp tiêu hủy bao gói sau khi sử dụng và tiêu hủy sản phẩm không sử dụng hết hoặc hết hạn sử dụng;
- l) Tính chất lý học: màu sắc, áp suất hơi, khả năng hòa tan, điểm nóng chảy (dạng rắn), điểm sôi (dạng lỏng), tỷ trọng, điểm bốc cháy, khả năng bắt lửa, khả năng gây nổ, khả năng ăn mòn, khả năng bền vững và các đặc tính lý hóa cơ bản khác;
- m) Mã số HS, Mã số Liên hiệp quốc (UN).

2. Thông tin về hoạt chất, thành phần chính

- a) Đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất: Tên hóa học, tên chung, mã số CAS, IUPAC name, nhóm độc, tên thương mại, nhà sản xuất, công thức cấu tạo, công thức phân tử của hoạt chất, màu sắc, áp suất hơi, khả năng hòa tan, điểm nóng chảy (dạng rắn), điểm sôi (dạng lỏng), tỉ trọng, điểm bốc cháy, khả năng bắt lửa, khả năng gây nổ, khả năng ăn mòn, khả năng hỗn hợp, khả năng bền vững và các đặc tính lý hóa cơ bản khác.
- b) Đối với chế phẩm sinh học: Vi sinh vật phải nêu tên khoa học và tóm tắt các đặc điểm sinh học của chúng. Chế phẩm chiết xuất từ thực vật phải nêu tên khoa học của loài thực vật được chiết xuất và hoạt chất của chế phẩm.
- c) Hàm lượng hoạt chất, thành phần chính và tạp chất nguyên liệu
- d) Ảnh hưởng của hóa chất đến vật nuôi, con người và môi trường.
- đ) Tồn dư hoạt chất trong môi trường và vật nuôi.

..., ngày... tháng... năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)



ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi”

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

2. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm

3.1. Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có)

3.2. Nơi sản xuất

3.3. Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm:

II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

1. Nội dung:

1.1. Xác định thành phần công bố của sản phẩm: *(Phân tích xác định các thành phần chính theo công bố của sản phẩm trước khi đưa vào khảo nghiệm theo từng lô sản phẩm).*

1.2. Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

Đối với các sản phẩm có thành phần là hóa chất hoặc các sản phẩm khác có tác dụng diệt động vật và thực vật trong xử lý môi trường phải đánh giá độ an toàn đối với người sử dụng, đối với động vật nuôi và môi trường.

1.3. Đánh giá tác dụng xử lý, cải tạo môi trường của sản phẩm.

- Đánh giá ở quy mô phòng thí nghiệm: Đối với sản phẩm sinh học phải xác định hoạt tính trong quy mô phòng thí nghiệm; Đối với hóa chất phải xác định độc tính cấp đối với động vật thí nghiệm.

- Đánh giá thông qua sử dụng thực tế trong quá trình nuôi động vật.

1.4. Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong vật nuôi.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất).

- Dư lượng trong động vật nuôi trước khi xuất chuồng 4 tuần và sau khi xuất chuồng (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất sử dụng trong giai đoạn nuôi thương phẩm).

- Dư lượng kim loại nặng trong môi trường, trong động vật khi xuất chuồng (áp dụng đối với sản phẩm là khoáng chất tự nhiên).

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm *(phụ thuộc vào từng loại sản phẩm và hoạt tính, công dụng của sản phẩm).*

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Phương pháp xác định độ an toàn của sản phẩm

- Đối với người sử dụng.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường, trong động vật khi kết thúc theo dõi.

2.1.2. Phương pháp xác định hiệu lực, đặc tính sản phẩm

- Phương pháp xác định các yếu tố môi trường ;

- Phương pháp xác định định tính và định lượng vi sinh vật;

- Phương pháp xác định tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu.

2.3. Bố trí thí nghiệm.

- Sơ đồ thí nghiệm (đảm bảo lô đối chứng và lô thí nghiệm, mỗi lô lặp lại 3 lần)

- Điều kiện thí nghiệm (phải đồng nhất)

- Chỉ tiêu kiểm tra

3. Kế hoạch triển khai

4. Dự kiến kết quả đạt được

5. Sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Nhật ký theo dõi kiểm nghiệm, khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Các tài liệu có liên quan khác

PHẦN III. DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO

**Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo
nghiệm, thử nghiệm**
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

CỤC CHĂN NUÔI PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG^(*)

Hà Nội, ngày.....tháng Năm.....

CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

^(*) Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định.

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản”

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

2. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm

3.1. Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có)

3.2. Nơi sản xuất

3.3. Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm:

II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

1. Nội dung

1.1. Xác định thành phần công bố của sản phẩm: *(Phân tích xác định các thành phần chính theo công bố của sản phẩm trước khi đưa vào khảo nghiệm theo từng lô sản phẩm).*

1.2. Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

Đối với các sản phẩm có thành phần là hóa chất hoặc các sản phẩm khác có tác dụng diệt động vật và thực vật trong xử lý môi trường phải đánh giá độ an toàn đối với người sử dụng, đối với động vật nuôi và môi trường.

1.3. Đánh giá tác dụng xử lý, cải tạo môi trường của sản phẩm.

- Đánh giá ở quy mô phòng thí nghiệm: Đối với Chế phẩm sinh học phải xác định hoạt tính trong quy mô phòng thí nghiệm; Đối với hóa chất phải xác định độc tính cấp đối với động vật thí nghiệm.

- Đánh giá thông qua sử dụng thực tế trong quá trình nuôi động vật thủy sản.

1.4. Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong thủy sản nuôi.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường (đối với sản phẩm là có thành phần là hóa chất).

- Dư lượng trong động vật nuôi trước khi thu hoạch 4 tuần và khi thu hoạch (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất sử dụng trong giai đoạn nuôi thương phẩm).

- Dư lượng kim loại nặng trong môi trường, trong động vật khi thu hoạch (áp dụng đối với sản phẩm là khoáng chất tự nhiên).

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm *(phụ thuộc vào từng loại sản phẩm và hoạt tính, công dụng của sản phẩm).*

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Phương pháp xác định độ an toàn của sản phẩm

- Đối với các loài động vật được khảo nghiệm.

- Đối với người sử dụng.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường, trong động vật khi thu hoạch.

2.1.2. Phương pháp xác định hiệu lực, đặc tính sản phẩm

- Phương pháp xác định các yếu tố môi trường ;

- Phương pháp xác định định tính và định lượng động thực vật phù du ;

- Phương pháp xác định định tính và định lượng vi sinh vật (bao gồm cả vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh cho vật nuôi);

- Phương pháp xác định định tính và định lượng sinh vật đáy;

- Phương pháp xác định tỷ lệ sống, tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu.

2.3. Bố trí thí nghiệm.

- Sơ đồ thí nghiệm (đảm bảo lô đối chứng và lô thí nghiệm, mỗi lô lặp lại 3 lần):

- Điều kiện thí nghiệm (phải đồng nhất):

- Chỉ tiêu kiểm tra:

3. Kế hoạch triển khai

4. Dự kiến kết quả đạt được

5. Sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Nhật ký theo dõi kiểm nghiệm, khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Các tài liệu có liên quan khác

PHẦN III. DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO

**Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo
nghiệm, thử nghiệm**
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

TỔNG CỤC THỦY SẢN
PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG^(*)
Hà Nội, ngày.....tháng Năm....
TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*) Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định.

3. Tên thủ tục: Phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhập khẩu

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường lựa chọn cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thẩm định hồ sơ đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm theo các Quy chuẩn kỹ thuật. Trong trường hợp chưa có Quy chuẩn kỹ thuật, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá đề cương khảo nghiệm;

- Nếu kết quả thẩm định, đánh giá hồ sơ và đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ cho ý kiến về việc cho phép khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm trong thời gian 05 ngày làm việc;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm, ban hành Quyết định khảo nghiệm, thử nghiệm và phân công đơn vị giám sát khảo nghiệm, thử nghiệm;

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm (theo Mẫu KN-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;



- Bản mô tả thông tin kỹ thuật của sản phẩm (theo Mẫu KN-4 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản chính Phiếu kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm;

- Bản chính Đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm (theo Mẫu KN-5a hoặc Mẫu KN-5b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản chính Hợp đồng khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản

1.8. Lệ phí:

- Phí thẩm định đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: 1.400.000đ/sản phẩm

- Phí thẩm định đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi nhập khẩu: Chưa có quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm, Bản mô tả thông tin kỹ thuật của sản phẩm, Bản chính Đề cương khảo nghiệm, thử nghiệm tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.



TÊN CƠ SỞ

MẪU KN-3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi

1. Cơ sở đăng ký khảo nghiệm, thử nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm, thử nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/ nuôi trồng thủy sản sau:

Tên sản phẩm:

Thành phần:

Công dụng:

Nhà sản xuất:

3. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

..., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)



BẢN MÔ TẢ CÁC THÔNG TIN KỸ THUẬT

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

1. Thông tin chung về sản phẩm:

- a) Thành phần hoạt chất, phụ gia hoặc dung môi;
- b) Nhóm độc (nếu có thành phần đã được phân loại của Tổ chức y tế thế giới hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật);
- c) Tác dụng, hướng dẫn sử dụng, cách bảo quản, chú ý về an toàn;
- d) Thông tin cảnh báo về nguy cơ gây hại đến sức khỏe con người và môi trường (nếu có);
- đ) Thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch (nếu có);
- e) Hạn sử dụng;
- g) Quy trình sản xuất;
- h) Phương pháp phân tích;
- i) Tác động đối với môi trường;
- k) Phương pháp tiêu hủy bao gói sau khi sử dụng và tiêu hủy sản phẩm không sử dụng hết hoặc hết hạn sử dụng;
- l) Tính chất lý học: màu sắc, áp suất hơi, khả năng hòa tan, điểm nóng chảy (dạng rắn), điểm sôi (dạng lỏng), tỷ trọng, điểm bốc cháy, khả năng bắt lửa, khả năng gây nổ, khả năng ăn mòn, khả năng bền vững và các đặc tính lý hóa cơ bản khác;
- m) Mã số HS, Mã số Liên hiệp quốc (UN).

2. Thông tin về hoạt chất, thành phần chính

- a) Đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất: Tên hóa học, tên chung, mã số CAS, IUPAC name, nhóm độc, tên thương mại, nhà sản xuất, công thức cấu tạo, công thức phân tử của hoạt chất, màu sắc, áp suất hơi, khả năng hòa tan, điểm nóng chảy (dạng rắn), điểm sôi (dạng lỏng), tỷ trọng, điểm bốc cháy, khả năng bắt lửa, khả năng gây nổ, khả năng ăn mòn, khả năng hỗn hợp, khả năng bền vững và các đặc tính lý hóa cơ bản khác.
- b) Đối với chế phẩm sinh học: Vi sinh vật phải nêu tên khoa học và tóm tắt các đặc điểm sinh học của chúng. Chế phẩm chiết xuất từ thực vật phải nêu tên khoa học của loài thực vật được chiết xuất và hoạt chất của chế phẩm.
- c) Hàm lượng hoạt chất, thành phần chính và tạp chất nguyên liệu
- d) Ảnh hưởng của hóa chất đến vật nuôi, con người và môi trường.
- đ) Tồn dư hoạt chất trong môi trường và vật nuôi.

..., ngày... tháng... năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi”

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

2. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm

- 3.1. Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có)
- 3.2. Nơi sản xuất
- 3.3. Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm:

II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

1. Nội dung:

1.1. Xác định thành phần công bố của sản phẩm: *(Phân tích xác định các thành phần chính theo công bố của sản phẩm trước khi đưa vào khảo nghiệm theo từng lô sản phẩm).*

1.2. Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

Đối với các sản phẩm có thành phần là hóa chất hoặc các sản phẩm khác có tác dụng diệt động vật và thực vật trong xử lý môi trường phải đánh giá độ an toàn đối với người sử dụng, đối với động vật nuôi và môi trường.

1.3. Đánh giá tác dụng xử lý, cải tạo môi trường của sản phẩm.

- Đánh giá ở quy mô phòng thí nghiệm: Đối với sản phẩm sinh học phải xác định hoạt tính trong quy mô phòng thí nghiệm; Đối với hóa chất phải xác định độc tính cấp đối với động vật thí nghiệm.

Đ/

- Đánh giá thông qua sử dụng thực tế trong quá trình nuôi động vật.

1.4. Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong vật nuôi.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất).
- Dư lượng trong động vật nuôi trước khi xuất chuồng 4 tuần và sau khi xuất chuồng (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất sử dụng trong giai đoạn nuôi thương phẩm).
- Dư lượng kim loại nặng trong môi trường, trong động vật khi xuất chuồng (áp dụng đối với sản phẩm là khoáng chất tự nhiên).

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm *(phụ thuộc vào từng loại sản phẩm và hoạt tính, công dụng của sản phẩm).*

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Phương pháp xác định độ an toàn của sản phẩm

- Đối với người sử dụng.
- Dư lượng hoạt chất trong môi trường, trong động vật khi kết thúc theo dõi.

2.1.2. Phương pháp xác định hiệu lực, đặc tính sản phẩm

- Phương pháp xác định các yếu tố môi trường ;
- Phương pháp xác định định tính và định lượng vi sinh vật;
- Phương pháp xác định tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu.

2.3. Bố trí thí nghiệm.

- Sơ đồ thí nghiệm (đảm bảo lô đối chứng và lô thí nghiệm, mỗi lô lặp lại 3 lần)
- Điều kiện thí nghiệm (phải đồng nhất)
- Chỉ tiêu kiểm tra

3. Kế hoạch triển khai

4. Dự kiến kết quả đạt được

5. Sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm;
- Nhật ký theo dõi kiểm nghiệm, khảo nghiệm, thử nghiệm;
- Các tài liệu có liên quan khác

PHẦN III. DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO

**Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo
nghiệm, thử nghiệm**
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

CỤC CHĂN NUÔI PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG^(*)

Hà Nội, ngày.....tháng Năm....

CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*) Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định.

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản”

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

2. Cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Số tài khoản: Mã số thuế:
- Số điện thoại: Số Fax:

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm, thử nghiệm

3.1. Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có)

3.2. Nơi sản xuất

3.3. Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm:

II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM

1. Nội dung

1.1. Xác định thành phần công bố của sản phẩm: *(Phân tích xác định các thành phần chính theo công bố của sản phẩm trước khi đưa vào khảo nghiệm theo từng lô sản phẩm).*

1.2. Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

Đối với các sản phẩm có thành phần là hóa chất hoặc các sản phẩm khác có tác dụng diệt động vật và thực vật trong xử lý môi trường phải đánh giá độ an toàn đối với người sử dụng, đối với động vật nuôi và môi trường.

1.3. Đánh giá tác dụng xử lý, cải tạo môi trường của sản phẩm.

- Đánh giá ở quy mô phòng thí nghiệm: Đối với Chế phẩm sinh học phải xác định hoạt tính trong quy mô phòng thí nghiệm; Đối với hóa chất phải xác định độc tính cấp đối với động vật thí nghiệm.

- Đánh giá thông qua sử dụng thực tế trong quá trình nuôi động vật thủy sản.

1.4. Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong thủy sản nuôi.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường (đối với sản phẩm là có thành phần là hóa chất).

- Dư lượng trong động vật nuôi trước khi thu hoạch 4 tuần và khi thu hoạch (đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất sử dụng trong giai đoạn nuôi thương phẩm).

- Dư lượng kim loại nặng trong môi trường, trong động vật khi thu hoạch (áp dụng đối với sản phẩm là khoáng chất tự nhiên).

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm (phụ thuộc vào từng loại sản phẩm và hoạt tính, công dụng của sản phẩm).

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Phương pháp xác định độ an toàn của sản phẩm

- Đối với các loài động vật được khảo nghiệm.

- Đối với người sử dụng.

- Dư lượng hoạt chất trong môi trường, trong động vật khi thu hoạch.

2.1.2. Phương pháp xác định hiệu lực, đặc tính sản phẩm

- Phương pháp xác định các yếu tố môi trường ;

- Phương pháp xác định định tính và định lượng động thực vật phù du ;

- Phương pháp xác định định tính và định lượng vi sinh vật (bao gồm cả vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh cho vật nuôi);

- Phương pháp xác định định tính và định lượng sinh vật đáy;

- Phương pháp xác định tỷ lệ sống, tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu.

2.3. Bố trí thí nghiệm.

- Sơ đồ thí nghiệm (đảm bảo lô đối chứng và lô thí nghiệm, mỗi lô lặp lại 3 lần):

- Điều kiện thí nghiệm (phải đồng nhất):

- Chỉ tiêu kiểm tra:

3. Kế hoạch triển khai

4. Dự kiến kết quả đạt được

5. Sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm;
- Nhật ký theo dõi kiểm nghiệm, khảo nghiệm, thử nghiệm;
- Các tài liệu có liên quan khác

PHẦN III. DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO

Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo
nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên và đóng dấu)

TỔNG CỤC THỦY SẢN
PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG^(*)
Hà Nội, ngày.....tháng Năm....
TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*) Sau khi Hội đồng khoa học đánh giá Đề cương đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản phê duyệt đề cương và Đề cương được dấu giáp lai theo quy định

4. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản đã qua khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ.

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm: Thẩm định hồ sơ theo mẫu phiếu thẩm định Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm, nghiên cứu sản phẩm.

- Nếu kết quả thẩm định hồ sơ, đánh giá của Hội đồng đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ trưởng cho ý kiến về việc công nhận sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường. Bộ cho ý kiến trong thời gian 05 ngày làm việc.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi cấp Giấy chứng nhận lưu hành từng sản phẩm đăng ký (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);



- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) chứng chỉ hành nghề sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;

- Bản chính Tiêu chuẩn cơ sở (hoặc bản sao chụp Tiêu chuẩn công bố áp dụng (có xác nhận của cơ sở));

- Mẫu nhãn của sản phẩm có xác nhận của cơ sở (theo hướng dẫn tại Mẫu ĐKLH-2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất (theo Mẫu ĐKLH-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đối với sản phẩm sản xuất trong nước;

- Bản chính hoặc bản sao (có xác nhận của cơ sở) Báo cáo kết quả nghiên cứu sản xuất, thử nghiệm và Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng đối với sản phẩm là kết quả của công trình nghiên cứu được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học;

- Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm (theo Mẫu KN-7 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) áp dụng đối với sản phẩm đã qua khảo nghiệm, thử nghiệm;

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp Giấy chứng nhận lưu hành

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản mới: 1.050.000đ/sản phẩm;

- Phí tổ chức thẩm định kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản mới: 1.400.000đ/sản phẩm;


- Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm, Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất, Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản 

Tên cơ sở
Số:

Mẫu ĐKLH- 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH SẢN PHẨM

*“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi,
nuôi trồng thủy sản”*

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi

1. Thông tin cơ sở:

- Tên cơ sở đăng ký:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Tên sản phẩm -
- Địa điểm sản xuất:
- Điện thoại: Số Fax:

2. Thông tin sản phẩm:

- Đăng ký lưu hành lần đầu ☐
- Đăng ký lưu hành lại ☐
- Đăng ký gia hạn lưu hành ☐

3. Kèm theo giấy này là các hồ sơ đăng ký bao gồm:

.....

4. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh cơ sở xin cam kết: Không sản xuất và kinh doanh các chất cấm theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thực hiện đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Công ty

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)



THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản”

I. ĐẶC ĐIỂM THÀNH PHẨM:

1. Hình thức bên ngoài:
2. Chất lượng thành phẩm:
3. Quy cách:
4. Bảo quản:

II. ĐẶC ĐIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU:

1. Nguyên liệu chính:
2. Tiêu chuẩn chất lượng:

II. CÔNG THỨC PHA CHẾ:

1. Thành phần 1: Hàm lượng:
2. Thành phần 2: Hàm lượng:

III. SƠ ĐỒ CÁC GIAI ĐOẠN SẢN XUẤT

IV. MÔ TẢ CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Xử lý bao bì:
2. Pha chế nguyên liệu:
3. Dung dịch sản phẩm:
4. Đóng chai/đóng gói, dán nhãn:

V. MÁY MÓC, THIẾT BỊ

VI. VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG:

1. Vệ sinh công nghiệp:
2. An toàn lao động:

VII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT, KIỂM NGHIỆM:

VIII. PHẾ PHẨM VÀ DƯ PHẨM:

1. Phế phẩm:
2. Dư phẩm:

IX. CÁC TÀI LIỆU KHÁC

PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM
“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

1. Tên cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm
2. Tên cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
3. Tên đơn vị giám sát khảo nghiệm, thử nghiệm
4. Họ và tên cán bộ phụ trách kỹ thuật trực tiếp tiến hành khảo nghiệm, thử nghiệm.
5. Thời gian, địa điểm
 - a) Thời gian bắt đầu:
 - b) Thời gian kết thúc:
 - c) Địa điểm:
6. Mục đích, nội dung khảo nghiệm, thử nghiệm.
 - a) Mục đích:
 - b) Nội dung:
7. Nguyên vật liệu:
 - a) Tên sản phẩm:
 - b) Ngày sản xuất, hạn dùng và số lô:
 - c) Thành phần
 - d) Các công dụng của sản phẩm
 - đ) Các nguyên vật liệu khác phục vụ quá trình khảo nghiệm, thử nghiệm
 - e) *Vật nuôi dùng để khảo nghiệm:* Nêu rõ tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, kể cả synonym nếu có), giai đoạn hay kích cỡ vật nuôi.
8. Kết quả
 - a) Chỉ tiêu an toàn của sản phẩm
 - Đối với người trực tiếp sử dụng sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm.
 - Đánh giá về độ an toàn của sản phẩm đối với môi trường: dư lượng trong môi trường nuôi (nước ao nuôi, nước thải, bùn đáy ao – đối với nuôi trồng thủy sản).
 - Đánh giá tồn dư trong động vật nuôi: dư lượng trong động vật dùng để khảo nghiệm, thử nghiệm.

- Ảnh hưởng của sản phẩm đến sự sinh trưởng và phát triển của đối tượng khảo nghiệm, thử nghiệm.

b) Các kết quả khác nêu trong đề cương và hồ sơ đăng ký.

c) Những thay đổi (nếu có) trong quá trình khảo nghiệm, thử nghiệm

9. Kết luận

- Độ an toàn sản phẩm đối với người sử dụng, vật nuôi và môi trường.

- Cách sử dụng của sản phẩm: nêu cụ thể số lượng, hàm lượng, thời gian, đối tượng nuôi, điều kiện nuôi cụ thể.

- Công dụng của sản phẩm: nêu cụ thể công dụng xử lý, cải tạo đối với từng chỉ tiêu môi trường cụ thể.

- Điều kiện bảo quản, thời gian bảo quản.

- Cảnh báo đối với người sử dụng (nếu có).

- Thời gian ngừng sử dụng sản phẩm (nếu cần)

10. Ý kiến, đề nghị của các bên tham gia khảo nghiệm, thử nghiệm.

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên, đóng dấu)

5. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận lưu hành lại đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản đã qua khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc nghiên cứu, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ.

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm: Thẩm định hồ sơ theo mẫu phiếu thẩm định Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm.

- Nếu kết quả thẩm định hồ sơ, đánh giá của Hội đồng đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ trưởng cho ý kiến về việc công nhận sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường. Bộ cho ý kiến trong thời gian 05 ngày làm việc.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi cấp Giấy chứng nhận lưu hành từng sản phẩm đăng ký (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) chứng chỉ hành nghề sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;

- Bản chính Tiêu chuẩn cơ sở (hoặc bản sao chụp Tiêu chuẩn công bố áp dụng (có xác nhận của cơ sở));

- Mẫu nhãn của sản phẩm có xác nhận của cơ sở (theo hướng dẫn tại Mẫu ĐKLH-2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất (theo Mẫu ĐKLH-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đối với sản phẩm sản xuất trong nước;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận lưu hành hoặc văn bản chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm lại sản phẩm (theo Mẫu KN-7 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 530.000đ/sản phẩm;

- Phí tổ chức thẩm định kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 1.400.000đ/sản phẩm;

- Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm, Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất, Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

Tên cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH SẢN PHẨM

*“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi,
nuôi trồng thủy sản”*

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi

1. Thông tin cơ sở:

- Tên cơ sở đăng ký:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Số Fax:

-Tên sản phẩm -

- Địa điểm sản xuất:

- Điện thoại: Số Fax:

2. Thông tin sản phẩm:

- Đăng ký lưu hành lần đầu ☐

- Đăng ký lưu hành lại ☐

- Đăng ký gia hạn lưu hành ☐

3. Kèm theo giấy này là các hồ sơ đăng ký bao gồm:

.....

4. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh cơ sở xin cam kết: *Không sản xuất và kinh doanh các chất cấm theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thực hiện đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.*

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Công ty

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)*

THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản”

I. ĐẶC ĐIỂM THÀNH PHẨM:

1. Hình thức bên ngoài:
2. Chất lượng thành phẩm:
3. Quy cách:
4. Bảo quản:

II. ĐẶC ĐIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU:

1. Nguyên liệu chính:
2. Tiêu chuẩn chất lượng:

II. CÔNG THỨC PHA CHẾ:

1. Thành phần 1: Hàm lượng:
2. Thành phần 2: Hàm lượng:

III. SƠ ĐỒ CÁC GIAI ĐOẠN SẢN XUẤT

IV. MÔ TẢ CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Xử lý bao bì:
2. Pha chế nguyên liệu:
3. Dung dịch sản phẩm:
4. Đóng chai/đóng gói, dán nhãn:

V. MÁY MÓC, THIẾT BỊ

VI. VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG:

1. Vệ sinh công nghiệp:
2. An toàn lao động:

VII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT, KIỂM NGHIỆM:

VIII. PHÉ PHẨM VÀ DƯ PHẨM:

1. Phế phẩm:
2. Dư phẩm:

IX. CÁC TÀI LIỆU KHÁC

PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM, THỬ NGHIỆM
“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

1. Tên cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm
2. Tên cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
3. Tên đơn vị giám sát khảo nghiệm, thử nghiệm
4. Họ và tên cán bộ phụ trách kỹ thuật trực tiếp tiến hành khảo nghiệm, thử nghiệm.
5. Thời gian, địa điểm
 - a) Thời gian bắt đầu:
 - b) Thời gian kết thúc:
 - c) Địa điểm:
6. Mục đích, nội dung khảo nghiệm, thử nghiệm.
 - a) Mục đích:
 - b) Nội dung:
7. Nguyên vật liệu:
 - a) Tên sản phẩm:
 - b) Ngày sản xuất, hạn dùng và số lô:
 - c) Thành phần
 - d) Các công dụng của sản phẩm
 - đ) Các nguyên vật liệu khác phục vụ quá trình khảo nghiệm, thử nghiệm
 - e) *Vật nuôi dùng để khảo nghiệm:* Nêu rõ tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, kể cả synonym nếu có), giai đoạn hay kích cỡ vật nuôi.
8. Kết quả
 - a) Chỉ tiêu an toàn của sản phẩm
 - Đối với người trực tiếp sử dụng sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm.
 - Đánh giá về độ an toàn của sản phẩm đối với môi trường: dư lượng trong môi trường nuôi (nước ao nuôi, nước thải, bùn đáy ao – đối với nuôi trồng thủy sản).
 - Đánh giá tồn dư trong động vật nuôi: dư lượng trong động vật dùng để khảo nghiệm, thử nghiệm.

- Ảnh hưởng của sản phẩm đến sự sinh trưởng và phát triển của đối tượng khảo nghiệm, thử nghiệm.

b) Các kết quả khác nêu trong đề cương và hồ sơ đăng ký.

c) Những thay đổi (nếu có) trong quá trình khảo nghiệm, thử nghiệm

9. Kết luận

- Độ an toàn sản phẩm đối với người sử dụng, vật nuôi và môi trường.

- Cách sử dụng của sản phẩm: nêu cụ thể số lượng, hàm lượng, thời gian, đối tượng nuôi, điều kiện nuôi cụ thể.

- Công dụng của sản phẩm: nêu cụ thể công dụng xử lý, cải tạo đối với từng chỉ tiêu môi trường cụ thể.

- Điều kiện bảo quản, thời gian bảo quản.

- Cảnh báo đối với người sử dụng (nếu có).

- Thời gian ngừng sử dụng sản phẩm (nếu cần)

10. Ý kiến, đề nghị của các bên tham gia khảo nghiệm, thử nghiệm.

Đại diện cơ sở khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ sở có sản phẩm khảo nghiệm, thử nghiệm
(Ký tên, đóng dấu)

6. **Tên thủ tục:** Cấp giấy chứng nhận lưu hành đối với sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không phải khảo nghiệm, thử nghiệm.

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ.

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm: Thẩm định hồ sơ theo mẫu phiếu thẩm định Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả kiểm nghiệm.

- Nếu kết quả thẩm định hồ sơ, đánh giá của Hội đồng đạt yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi trình Bộ trưởng cho ý kiến về việc công nhận sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường. Bộ cho ý kiến trong thời gian 05 ngày làm việc.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi cấp Giấy chứng nhận lưu hành từng sản phẩm đăng ký (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

c) **Trả kết quả:** trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) chứng chỉ hành nghề sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;

- Bản chính Tiêu chuẩn cơ sở (hoặc bản sao chụp Tiêu chuẩn công bố áp dụng (có xác nhận của cơ sở));

- Mẫu nhãn của sản phẩm có xác nhận của cơ sở (theo hướng dẫn tại Mẫu ĐKLH-2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất (theo Mẫu ĐKLH-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đối với sản phẩm sản xuất trong nước;

- Bản chính kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với sản phẩm nhập khẩu

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp Giấy chứng nhận lưu hành

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 1.050.000đ/sản phẩm;

- Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm, Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường vùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

Tên cơ sở

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH SẢN PHẨM

*“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi,
nuôi trồng thủy sản”*

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi

1. Thông tin cơ sở:

- Tên cơ sở đăng ký:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Số Fax:

-Tên sản phẩm -

- Địa điểm sản xuất:

- Điện thoại: Số Fax:

2. Thông tin sản phẩm:

- Đăng ký lưu hành lần đầu ☐

- Đăng ký lưu hành lại ☐

- Đăng ký gia hạn lưu hành ☐

3. Kèm theo giấy này là các hồ sơ đăng ký bao gồm:

.....

4. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh cơ sở xin cam kết: Không sản xuất và kinh doanh các chất cấm theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thực hiện đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Công ty

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)



THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản”

I. ĐẶC ĐIỂM THÀNH PHẨM:

1. Hình thức bên ngoài:
2. Chất lượng thành phẩm:
3. Quy cách:
4. Bảo quản:

II. ĐẶC ĐIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU:

1. Nguyên liệu chính:
2. Tiêu chuẩn chất lượng:

III. CÔNG THỨC PHA CHẾ:

1. Thành phần 1: Hàm lượng:
2. Thành phần 2: Hàm lượng:

IV. SƠ ĐỒ CÁC GIAI ĐOẠN SẢN XUẤT

IV. MÔ TẢ CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Xử lý bao bì:
2. Pha chế nguyên liệu:
3. Dung dịch sản phẩm:
4. Đóng chai/đóng gói, dán nhãn:

V. MÁY MÓC, THIẾT BỊ

VI. VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG:

1. Vệ sinh công nghiệp:
2. An toàn lao động:

VII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT, KIỂM NGHIỆM:

VIII. PHÉP PHẨM VÀ DƯ PHẪM:

1. Phế phẩm:
2. Dư phẩm:

IX. CÁC TÀI LIỆU KHÁC

PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Kh

7. Tên thủ tục: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu gia hạn lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm: Tổ chức thẩm định hồ sơ (theo mẫu phiếu thẩm định Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) và đánh giá kết quả kiểm nghiệm, báo cáo quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm. Nếu kết quả thẩm định và đánh giá đạt yêu cầu, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành từng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường cho cơ sở đăng ký gia hạn

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) chứng chỉ hành nghề sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;

- Bản chính Tiêu chuẩn cơ sở (hoặc bản sao chụp Tiêu chuẩn công bố áp dụng (có xác nhận của cơ sở));

- Mẫu nhãn của sản phẩm có xác nhận của cơ sở (theo hướng dẫn tại Mẫu ĐKLH-2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015).

Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất (theo Mẫu ĐKLH-3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đối với sản phẩm sản xuất trong nước;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận lưu hành hoặc văn bản chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản chính kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm, Báo cáo quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-4 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp Giấy chứng nhận lưu hành

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 530.000đ/sản phẩm;

- Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm, Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất; Báo cáo quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

Tên cơ sở

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH SẢN PHẨM

*“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi,
nuôi trồng thủy sản”*

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi

1. Thông tin cơ sở:

- Tên cơ sở đăng ký:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Số Fax:

-Tên sản phẩm -

- Địa điểm sản xuất:

- Điện thoại: Số Fax:

2. Thông tin sản phẩm:

- Đăng ký lưu hành lần đầu ☐

- Đăng ký lưu hành lại ☐

- Đăng ký gia hạn lưu hành ☐

3. Kèm theo giấy này là các hồ sơ đăng ký bao gồm:

.....

4. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh cơ sở xin cam kết: Không sản xuất và kinh doanh các chất cấm theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thực hiện đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Công ty

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)



THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT

“Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi/nuôi trồng thủy sản”

I. ĐẶC ĐIỂM THÀNH PHẨM:

1. Hình thức bên ngoài:
2. Chất lượng thành phẩm:
3. Quy cách:
4. Bảo quản:

II. ĐẶC ĐIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU:

1. Nguyên liệu chính:
2. Tiêu chuẩn chất lượng:

III. CÔNG THỨC PHA CHẾ:

1. Thành phần 1: Hàm lượng:
2. Thành phần 2: Hàm lượng:

IV. MÔ TẢ CÁC GIAI ĐOẠN SẢN XUẤT

IV. MÔ TẢ CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Xử lý bao bì:
2. Pha chế nguyên liệu:
3. Dung dịch sản phẩm:
4. Đóng chai/đóng gói, dán nhãn:

V. MÁY MÓC, THIẾT BỊ

VI. VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG:

1. Vệ sinh công nghiệp:
2. An toàn lao động:

VII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT, KIỂM NGHIỆM:

VIII. PHẾ PHẨM VÀ DƯ PHẨM:

1. Phế phẩm:
2. Dư phẩm:

IX. CÁC TÀI LIỆU KHÁC

PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

thư

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi

Tên cơ sở đăng ký:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

Tên cơ sở sản xuất:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

Tên cơ sở sang chai, đóng gói (nếu có):

Địa chỉ:

Tên cơ sở nhập khẩu (đối với sản phẩm nhập khẩu):

Địa chỉ:

Tên thương mại:

Thành phần và hàm lượng hoạt chất:

Hạn sử dụng:

Dạng dạng sản phẩm và quy cách đóng gói:

Thời gian sản xuất/nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng sản xuất/nhập khẩu	Số lượng tiêu thụ	Vi phạm pháp, hình thức xử phạt và cơ quan xử phạt
Năm 20				
Năm 20				
Năm 20				
Năm 20				
Năm 20				
Tổng cộng				

Đánh giá hiệu quả sử dụng sản phẩm tại một hoặc một số cơ sở áp dụng sản phẩm cụ thể:

- Tên và địa chỉ cơ sở áp dụng:
- Đối tượng nuôi, diện tích nuôi và quy trình nuôi áp dụng:
- Đánh giá công dụng của sản phẩm tại mô hình áp dụng, có kèm theo số liệu theo dõi, kiểm nghiệm cụ thể:

HA

- Dư lượng hoạt chất (áp dụng đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất) trong môi trường và đối tượng nuôi, có kèm theo số liệu theo dõi, kiểm nghiệm cụ thể:

- Độ an toàn đối với người sử dụng:

Chúng tôi xin cam kết các nội dung nêu trên là đúng. Nếu sai, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

8. Tên thủ tục: Cấp thay đổi thông tin Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở có nhu cầu thay đổi thông tin lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản, lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ.

- Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm: Thẩm định hồ sơ (theo mẫu phiếu thẩm định Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) Nếu kết quả thẩm định hồ sơ đạt yêu cầu, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản/Cục trưởng Cục Chăn nuôi cấp Giấy chứng nhận lưu hành từng sản phẩm đã thay đổi thông tin cho cơ sở đăng ký (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị thay đổi thông tin sản phẩm (theo Mẫu ĐKLH-5 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản chính Tiêu chuẩn cơ sở (hoặc bản sao chụp Tiêu chuẩn công bố áp dụng (có xác nhận của cơ sở));

- Mẫu nhãn của sản phẩm có xác nhận của cơ sở (theo hướng dẫn tại Mẫu ĐKLH-2, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015

Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận lưu hành hoặc văn bản chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 8 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp Giấy chứng nhận lưu hành

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản: 350.000đ/sản phẩm;

- Phí tổ chức thẩm định kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản mới: 1.400.000đ/sản phẩm;

- Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thay đổi thông tin sản phẩm tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản

TÊN CƠ SỞ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN
SẢN PHẨM ĐANG LƯU HÀNH**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Email:

Xin giải trình chi tiết về sản phẩm xin thay đổi như sau:

TT	Tên sản phẩm, số Giấy chứng nhận lưu hành	Nội dung đã được công nhận	Nội dung thay đổi	Lý do

Các hồ sơ kèm theo gồm:

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Công ty

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký tên, đóng dấu)

9. Tên thủ tục: Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng).

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm thẩm định hồ sơ theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 18 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng (theo Mẫu KTCL-2 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) tới cơ sở nhập khẩu và cơ quan Hải quan để được làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng (theo Mẫu KTCL-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) các giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán (*Contract*), Danh mục sản phẩm kèm theo (*Packing list*);

- Bản sao chứng thực Chứng chỉ chất lượng (*C/A - Certificate of Analysis*);

Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) vận đơn (*Bill of Lading*); hóa đơn (*Invoice*); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) (*C/O-Certificate of Origin*); ảnh hoặc bản mô tả sản phẩm; mẫu nhãn hàng nhập khẩu (đã được gắn dấu hợp quy nếu sản phẩm đã được công bố hợp quy) và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí kiểm tra chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): 0,095% giá trị lô hàng (từ 285.000đ – 9.500.000đ).

- Lệ phí, phí kiểm tra, chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): Chưa có quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

The Socialist Republic of Vietnam

*Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**Independent – Freedom – Happiness*

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Registration for Quality Inspection

Kính gửi:

To:

Số / No:

Bên bán hàng / Seller:		Nơi xuất hàng/ Port of departure:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :			
Bên mua hàng / Buyer:		Nơi nhận hàng/ Port of Destination:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :		Thời gian xuất (nhập) khẩu dự kiến / Exporting (importing) date :	
MÔ TẢ HÀNG HOÁ/ DESCRIPTION OF GOODS			
Tên hàng hoá / Name of goods	Mã số lô hàng/ Identification of the lot:	Cơ sở sản xuất/ Manufacturer	Số lượng, khối lượng Quantity, Volume:
Ký mã hiệu/ Good making:			
Địa điểm tập kết hàng/ Location of storage:			
Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Date for sampling:		Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Location for sampling:	
Hồ sơ đính kèm gồm / Document enclosed:			
Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / Analytical parameters required*:			
Thời gian kiểm tra/ Date of testing*:			
Đơn vị thực hiện kiểm tra*:			
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consignor is required to submit to the inspection body, after-ward, all related document of the imported goods			

..... ngày /date:

Đại diện doanh nghiệp*Representative of the consignor**(Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)*

....., ngày /date:

Đại diện cơ quan kiểm tra*Representative of Inspection body**(Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)*

* Dành cho cơ quan kiểm tra

H

10. Tên thủ tục: Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường vùng đầm lầy, nuôi trồng thủy sản nhập khẩu (trường hợp phải thu mẫu phân tích chất lượng).

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có trách nhiệm thẩm định hồ sơ theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 18 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường vùng đầm lầy, nuôi trồng thủy sản. Nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu, Tổng cục Thủy sản xác nhận Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, thông báo cho cơ sở và Hải quan để tiến hành khai hải quan. Khi được xác nhận Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng cơ sở được phép chuyển hàng về địa điểm ghi trong Giấy đăng ký kiểm tra, giữ nguyên hiện trạng hàng hoá, không được sản xuất, kinh doanh, sử dụng trước khi có kết quả kiểm tra xác nhận chất lượng.

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi tiến hành thu mẫu kiểm nghiệm, phân tích chất lượng và thông báo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm cho cơ sở. Trường hợp kết quả sản phẩm nhập khẩu không đạt chất lượng, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi xử lý theo quy định tại Điều 36 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng (theo Mẫu KTCL-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường vùng đầm lầy, nuôi trồng thủy sản) (02 bản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) các giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán (*Contract*), Danh mục sản phẩm kèm theo (*Packing list*);

- Bản sao chứng thực Chứng chỉ chất lượng (*C/A - Certificate of Analysis*);

Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) vận đơn (*Bill of Lading*); hóa đơn (*Invoice*); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) (*C/O-Certificate of Origin*); ảnh hoặc bản mô tả sản phẩm; mẫu nhãn hàng nhập khẩu (đã được gắn dấu hợp quy nếu sản phẩm đã được công bố hợp quy) và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí kiểm tra chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): 0,095% giá trị lô hàng (từ 285.000đ – 9.500.000đ).

- Phí phân tích chất lượng sản phẩm được tính cụ thể trên các chỉ tiêu đơn lẻ theo quy định của Bộ Tài chính;

- Lệ phí, phí kiểm tra, chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi nhập khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): Chưa có quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
The Socialist Republic of Vietnam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independent - Freedom - Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
Registration for Quality Inspection

Kính gửi:
 To:

Số / No:

Bên bán hàng / Seller:		Nơi xuất hàng/ Port of departure:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :			
Bên mua hàng / Buyer:		Nơi nhận hàng/ Port of Destination:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :		Thời gian xuất (nhập) khẩu dự kiến / Exporting (importing) date :	
MÔ TẢ HÀNG HOÁ/ DESCRIPTION OF GOODS			
Tên hàng hoá / Name of goods Ký mã hiệu/ Good making:	Mã số lô hàng/ Identification of the lot:	Cơ sở sản xuất/ Manufacturer	Số lượng, khối lượng Quantity, Volume:
Địa điểm tập kết hàng/ Location of storage:			
Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Date for sampling:		Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Location for sampling:	
Hồ sơ đính kèm gồm / Document enclosed:			
Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / Analytical parameters required*:			
Thời gian kiểm tra/ Date of testing*:			
Đơn vị thực hiện kiểm tra*:			
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods			

....., ngày /date:
Đại diện doanh nghiệp
Representative of the consignor
 (Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)

....., ngày /date:
Đại diện cơ quan kiểm tra
Representative of Inspection body
 (Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)

* Dành cho cơ quan kiểm tra

11. Tên thủ tục: Chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản xuất khẩu.

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Cơ sở đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất khẩu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ;

- Trong thời gian 10 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi thẩm định hồ sơ, thông báo cho cơ sở kế hoạch thu mẫu kiểm tra; tổ chức thu mẫu hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản địa phương tiến hành thu mẫu kiểm tra; chuyển mẫu cho cơ sở kiểm nghiệm để kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm; Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất khẩu ngay khi có phiếu kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm của cơ sở kiểm nghiệm theo Mẫu KTCL-2 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng (theo Mẫu KTCL-1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản);

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) các giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán, tiêu chuẩn công bố áp dụng, mẫu nhãn sản phẩm và các hồ sơ khác có liên quan;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp;

- Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện cơ sở đạt loại A hoặc B.

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản xuất khẩu: 50.000đ/sản phẩm;

- Phí kiểm tra chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản xuất khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): 0,095% giá trị lô hàng (từ 285.000đ – 9.500.000đ).

- Phí phân tích chất lượng sản phẩm được tính cụ thể trên các chỉ tiêu đơn lẻ theo quy định của Bộ Tài chính;

- Lệ phí, phí kiểm tra, chứng nhận chất lượng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi xuất khẩu (trường hợp không phải thu mẫu phân tích chất lượng): Chưa có quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
The Socialist Republic of Vietnam
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Independent – Freedom – Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
Registration for Quality Inspection

Kính gửi:

To:

Số / No:

Bên bán hàng / Seller:		Nơi xuất hàng/ Port of departure:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :			
Bên mua hàng / Buyer:		Nơi nhận hàng/ Port of Destination:	
Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :		Thời gian xuất (nhập) khẩu dự kiến / Exporting (importing) date :	
MÔ TẢ HÀNG HOÁ/ DESCRIPTION OF GOODS			
Tên hàng hoá / Name of goods Ký mã hiệu/ Good making:	Mã số lô hàng/ Identification of the lot:	Cơ sở sản xuất/ Manufacturer	Số lượng, khối lượng Quantity, Volume:
Địa điểm tập kết hàng/ Location of storage:			
Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Date for sampling:		Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra / Location for sampling:	
Hồ sơ đính kèm gồm / Document enclosed:			
Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / Analytical parameters required*:			
Thời gian kiểm tra/ Date of testing*:			
Đơn vị thực hiện kiểm tra*:			
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inspection body, afterward, all related document of the imported goods			

..... ngày /date:

Đại diện doanh nghiệp

Representative of the consignor

(Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)

....., ngày /date:

Đại diện cơ quan kiểm tra

Representative of Inspection body

(Ký tên, đóng dấu/ signature and stamp)

* Dành cho cơ quan kiểm tra

12. Tên thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Người có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ hành nghề cho người đăng ký nếu hồ sơ đạt yêu cầu.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (theo Mẫu CCHN-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) kèm theo 2 ảnh màu 4 x 6 cm;

- Bản sao chứng thực bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Sơ yếu lý lịch;

- Giấy chứng nhận sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc do cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận của cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường về thời gian đã thực hành tại cơ sở áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1, 2 Điều 23 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

- Văn bản đồng ý của Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác áp dụng đối với trường hợp người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là cán bộ, công chức.

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề

1.8. Phí, lệ phí: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu**

Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chỗ ở hiện nay:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Văn bằng chuyên môn:

Lĩnh vực đề nghị cấp hành nghề:.....

Hành nghề tại cơ sở:

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- 1 Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn
- 2 Sơ yếu lý lịch
- 3 Giấy chứng nhận sức khỏe
- 4 Giấy xác nhận kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề
- 5 02 (hai) ảnh màu 4 x 6 cm

☐
☐
☐
☐
☐

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề cho tôi./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký và ghi rõ họ, tên)

13. Tên thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề (hành nghề sản xuất, kinh doanh; hành nghề nhập khẩu, hành nghề xuất khẩu; hành nghề kiểm nghiệm; hành nghề khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Người có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ hành nghề cho người đăng ký nếu hồ sơ đạt yêu cầu.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề (theo Mẫu CCHN-2 Phụ lục I Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) kèm theo 2 ảnh màu 4 x 6 cm;

Bản sao hợp pháp chứng chỉ hành nghề đã cấp;

Giấy chứng nhận sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc do cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên cấp.

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề

1.8. Phí, lệ phí: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề**

Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chỗ ở hiện nay:

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Văn bằng chuyên môn:.....

Lĩnh vực đề nghị cấp hành nghề:.....

Hành nghề tại cơ sở:

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1 Bản sao hợp pháp chứng chỉ hành nghề đã cấp

☐

2 Giấy chứng nhận sức khỏe

☐

3 02 (hai) ảnh màu 4 x 6 cm

☐

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề cho tôi./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(ký và ghi rõ họ, tên)*

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

14. Tên thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Người có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ hành nghề cho người đăng ký nếu hồ sơ đạt yêu cầu.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (theo Mẫu CCHN-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) kèm theo 2 ảnh màu 4 x 6 cm;

- Bản sao chứng thực bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Sơ yếu lý lịch;

- Giấy chứng nhận sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc do cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận của cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường về thời gian đã thực hành tại cơ sở áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1, 2 Điều 23 Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

- Văn bản đồng ý của Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác áp dụng đối với trường hợp người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là cán bộ, công chức.

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề

1.8. Phí, lệ phí: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu**

Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chỗ ở hiện nay:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Văn bằng chuyên môn:.....

Lĩnh vực đề nghị cấp hành nghề:.....

Hành nghề tại cơ sở:

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- 1 Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn
- 2 Sơ yếu lý lịch
- 3 Giấy chứng nhận sức khỏe
- 4 Giấy xác nhận kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề
- 5 02 (hai) ảnh màu 4 x 6 cm

☐
☐
☐
☐
☐

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề cho tôi./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký và ghi rõ họ, tên)

10/1

15. Tên thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề (kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Người có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y

b) Thực hiện:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Thủy sản/Chi cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ hành nghề cho người đăng ký nếu hồ sơ đạt yêu cầu.

c) Trả kết quả: trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề (theo Mẫu CCHN-2 Phụ lục I Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) kèm theo 2 ảnh màu 4 x 6 cm;

Bản sao hợp pháp chứng chỉ hành nghề đã cấp;

Giấy chứng nhận sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc do cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên cấp.

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề

1.8. Phí, lệ phí: Chưa có quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 Quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề

Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chỗ ở hiện nay:

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Văn bằng chuyên môn:.....

Lĩnh vực đề nghị cấp hành nghề:.....

Hành nghề tại cơ sở:

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- | | | |
|---|---|--------------------------|
| 1 | Bản sao hợp pháp chứng chỉ hành nghề đã cấp | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Giấy chứng nhận sức khỏe | <input type="checkbox"/> |
| 3 | 02 (hai) ảnh màu 4 x 6 cm | <input type="checkbox"/> |

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề cho tôi./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký và ghi rõ họ, tên)